

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ MH  
TỈNH HUNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 11 - 2022

"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MH - TỈNH HUNG YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Oanh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Thìn

Bà Đặng Thị Tuyết Hương

*Thư ký phiên toà:* Ông Lê Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên toà:* Bà Đặng Thị Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã MH, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 63/2022/TLST - HNGĐ ngày 03/10/2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 10/11/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

- *Bị đơn:* Anh Vũ Quốc N, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Cháu Vũ Thị Diễm N, sinh ngày 19/01/2006 (vắng mặt)

+ Cháu Vũ Thị Hồng A, sinh ngày 15/11/2002 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh H.

Đại diện theo pháp luật của cháu N: Chị Lê Thị Hồng H, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh H.

Nơi ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện, lời khai của chị Lê Thị Hồng H trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Chị và anh Vũ Quốc N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện MH, tỉnh Hưng Yên (nay là phường P, thị xã MH) và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại nhà đất của bố mẹ chị tại thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất trong làm ăn kinh tế, kinh tế trong gia đình một mình chị phải lo liệu, anh N không quan tâm

và thường xuyên uống rượu, chửi bới, xúc phạm chị. Chị đã cố gắng trao đổi với anh N để hàn gắn tình cảm vợ chồng, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể dung hòa. Từ năm 2016 anh Nhân bỏ về quê ở tổ dân phố L, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên sinh sống; kể từ đó anh chị sống ly thân không còn qua lại quan tâm chăm sóc nhau. Năm 2021, anh chị yêu cầu Tòa án nơi chị cư trú công nhận thuận tình ly hôn nhưng anh chị không đến Tòa án giải quyết được vì dịch bệnh Covid. Sau đó anh chị đã rút đơn yêu cầu và Tòa án nhân dân huyện H đình chỉ xét đơn yêu cầu của anh chị. Cho đến nay chị xác định thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu (hơn 05 năm) và không còn yêu thương, chăm sóc nhau; tình cảm giữa chị và anh N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị Hồng A, sinh ngày 15/11/2002 và cháu Vũ Thị Diễm N, sinh ngày 19/01/2006. Hiện nay chị không có thai, cháu Hồng A đã thành niên và tự lập cuộc sống nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu N đang ở cùng với chị. Chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu N cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị đang sống tại nhà đất của chị và làm việc tại cơ sở trầm hương C, địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ, thu nhập hiện tại của chị từ 6.000.000 đồng - 8.000.000 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị và anh N không có tài sản chung nên chị không yêu cầu giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Vợ chồng chị không có ruộng nông nghiệp nên chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và các vấn đề khác: Chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, anh N xác định: Anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2002 và sau khi cưới anh chị về sinh sống tại H như lời trình bày của chị H là đúng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thống nhất về nơi ở và làm ăn kinh tế. Anh muốn đưa vợ, con ra miền Bắc sinh sống nhưng chị H không đồng ý, anh chị đã trao đổi nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Từ năm 2016, anh chuyển về quê ở tổ dân phố L, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên sinh sống không quay lại H sống cùng chị H; kể từ đó cho đến nay anh chị sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc nhau. Năm 2021, anh chị có làm thủ tục thuận tình ly hôn tại Tòa án nơi chị H cư trú nhưng sau đó rút đơn yêu cầu và Tòa án đình chỉ xét đơn yêu cầu theo lời trình bày của chị H là đúng. Hiện nay anh xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, không còn yêu thương, chăm sóc nhau nên anh nhất trí yêu cầu xin ly hôn của chị H. Anh đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh chị và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng A có 02 con chung là cháu Vũ Thị Hồng A, sinh ngày 15/11/2002 và cháu Vũ Thị Diễm N, sinh ngày 19/01/2006. Cháu Hồng A đã thành niên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Diễm N đang ở cùng với chị H. Anh đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, anh không phải cấp dưỡng nuôi con

chung cho chị.

Về tài sản chung: Anh và chị H có tài sản chung nhưng anh tự nguyện không yêu cầu giải quyết. Về vay nợ: Vợ chồng anh không nợ ai, không cho ai vay nợ nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ruộng nông nghiệp: Vợ chồng anh không có ruộng nông nghiệp nên anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về công sức và các vấn đề khác: Anh tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn trình bày của cháu N và cháu Hồng A thể hiện: Cháu N có nguyện vọng ở với chị H. Cháu Hồng A đã trưởng thành và tự lập cuộc sống, cháu đề nghị Tòa án giải quyết cho bố mẹ cháu ly hôn và giao cháu N cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Cả hai cháu đều xác định không liên quan gì đến kinh tế của anh chị nên hai cháu tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết và hai cháu đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh chị đến Tòa án tham gia phiên họp tiếp cận chứng cứ công khai chứng cứ và hòa giải; anh chị mặc dù được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không có mặt nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Do vậy phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N được ly hôn. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Hồng A, cháu N; hiện nay chị không có thai. Cháu Hồng A đã thành niên và tự lập cuộc sống nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi cháu thành niên. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản, nợ, ruộng nông nghiệp, công sức chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã MH trình bày quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, lập biên bản hòa giải và đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Viện kiểm sát đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn anh N. Giao cháu N cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng đến khi thành niên; ghi nhận sự tự nguyện của anh chị về việc anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Về tài sản, nợ, ruộng, công sức do anh chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không phải giải quyết. Chị H phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và trên cơ sở xem xét khách quan toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Lê Thị Hồng H và anh Vũ Quốc N là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Chị H khởi kiện ly hôn anh N, anh N có nơi cư trú tại tổ dân phố L, phường P, thị xã MH, tỉnh Hưng Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã MH theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua lời trình bày của nguyên đơn là chị H, bị đơn là anh N cũng như các tài liệu chứng cứ do đương sự giao nộp đã phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân phường P, nên có đủ căn cứ xác định anh Nhân, chị H đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã P (nay là Ủy ban nhân dân phường P) năm 2002 và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn là đúng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, hôn nhân của anh chị là hợp pháp, chị H khởi kiện ly hôn đối với anh Nhân sẽ được Tòa án xem xét và giải quyết theo thủ tục ly hôn.

Căn cứ tài liệu chứng cứ thu thập tại hồ sơ vụ án thì thấy: Chị H, anh N là vợ chồng, có thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế, không thống nhất về nơi sinh sống và làm việc. Anh N mong muốn đưa chị H và các con ra miền Bắc (quê hương của anh N) sinh sống nhưng chị H không đồng ý. Anh chị đã nhiều lần trao đổi với nhau để hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng và cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng mâu thuẫn vợ chồng không hàn gắn được. Năm 2021, anh chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H (nay là Tòa án nhân dân thành phố H), tỉnh H công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị nhưng do dịch bệnh Covid anh chị không đến Tòa án giải quyết nên anh chị đã rút đơn yêu cầu; Tòa án đã ra quyết định đình chỉ xét đơn yêu cầu của anh chị. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tạo điều kiện để anh chị hòa giải hàn gắn hạnh phúc tuy nhiên anh chị đều xác định vợ chồng sống ly thân đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị không đến tham gia phiên hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được ly hôn. Tất cả tình tiết này đã phản ánh đúng thực trạng hôn nhân của anh chị, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài nên sẽ giải quyết cho anh chị ly hôn là phù hợp, đảm bảo quyền và lợi ích của anh chị.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Vũ Thị Hồng A, sinh ngày 15/11/2002 và cháu Vũ Thị Diễm N, sinh ngày 19/01/2006. Cháu Hồng A đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết giao chị H chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H. Xét thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của anh chị thì thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu N và chị H có đủ điều kiện để nuôi con nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung, vay nợ, ruộng nông nghiệp, công sức: Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ, ruộng, công sức của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Hồng H được ly hôn anh Vũ Quốc N.

[2]. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Diễm N, sinh ngày 19/01/2006 cho chị Lê Thị Hồng H chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N thành niên (đủ 18 tuổi).

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

Anh N có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh N thực hiện quyền này.

Anh N, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[3]. Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Không phải giải quyết.

[4]. Án phí: Chị Lê Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000 đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013154 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã MH. Chị H đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhân:**

- VKSND thị xã MH;
- Phòng KTNV & THS TAND tỉnh Hưng Yên;
- Chi cục T.H.A DS thị xã MH;
- Dương sự;
- UBND phường P;
- Lưu HS vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**NGUYỄN THỊ OANH**